

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2023/HNGĐ- ST**

Ngày : 18-5-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Hà**

2. Bà **Lê Thị Sáu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 336/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị Tiên có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Trần Minh T chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 25/6/2018. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì vợ chồng không hòa hợp, không có con chung, vì kinh tế gia đình. Nhiều lần vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh Trần Minh T không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị T và anh Trần Minh T có tạo lập được tài sản chung, chị T tự thỏa thuận với anh T và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị T và anh Trần Minh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/4/2023 nhưng không thành. chị T có mặt, anh T vắng mặt mặc dù được triệu tập hợp lệ. chị T có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T và anh T được ly hôn. Về con chung chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung chị T tự thỏa thuận với anh T và không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Võ Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Trần Minh T chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 25/6/2018. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, chị T trình bày lý do vợ chồng không hòa hợp, không có con chung, vì kinh tế. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng cũng không được, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập anh Trần Minh T đến làm việc, hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Nay chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn với anh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: chị T trình bày quá trình chung sống chị và anh Trần Minh T không có con chung, không yêu cầu giải quyết, còn anh được triệu tập nhiều lần không đến làm việc nên không có lời khai nào, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: chị T trình bày chị và anh T có tài sản chung, chị tự thỏa thuận với anh T và không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: **chị T** trình bày chị và anh T không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T đối với anh Trần Minh T về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Trần Minh T.

2. Về tài sản chung: Chị Võ Thị T tự thỏa thuận với anh Trần Minh T và không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai

nộp tiền số 001262 ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

